

日本で「どこに住んでいるの？」と聞かれたら

Khi được hỏi “Bạn sống ở đâu của Nhật Bản?”

■「どこに住んでいますか？」の意味 ■Ý nghĩa của “Bạn sống ở đâu?”

あなたがハノイに住んでいるとします。友人と親しくなったら、互いにどこに住んでいるのかを聞きますが、多くの場合、「あなたはどの通りに住んでいますか？」と尋ねます。また、ジャカルタの友人に住んでいる場所を聞く場合は、「あなたはどのエリアに住んでいますか？」と聞きます。

Giả sử bạn sống ở Hà Nội. Khi làm quen với bạn bè, bạn hỏi nhau xem họ sống ở đâu, phần đông sẽ hỏi “Bạn sống ở đường nào?”. Ngoài ra, nếu bạn muốn hỏi một người bạn ở Jakarta xem họ sống ở đâu, hãy hỏi họ: “Bạn sống ở khu vực nào?”

それでは、日本で相手の住んでいる場所を聞く場合、どのように質問するのでしょうか？日本人はたいてい「あなたはどこに住んでいますか？」と尋ねます。ただし、この質問の意味は地域によって異なります。もし、あなたが鉄道の発達した都会に住んでいて、「どこに住んでいますか？」と聞かれた場合、その質問は「あなたはどの駅の近くに住んでいますか？」という意味になることが多いです。

Vì vậy, làm thế nào để bạn hỏi ai đó rằng họ sống ở đâu tại Nhật Bản? Người Nhật thường hỏi “Bạn sống ở đâu?”. Tuy nhiên, ý nghĩa của câu hỏi này thay đổi tùy theo khu vực. Nếu bạn sống ở một thành phố có hệ thống đường sắt phát triển và được hỏi “Bạn sống ở đâu?”, câu hỏi chỉ có nghĩa là “Bạn sống gần ga nào?”.

■住んでいる場所の説明の仕方 ■Cách giải thích nơi bạn sống

日本の住所表記には町の名前を使い、通りの名前は使いません。しかし、都会の町の名前は多過ぎるので、町の名前を聞いても、それがどこにあるのか地元の人に分かりません。そこで、日本の都会で「どこに住んでいるのですか？」と聞かれた場合、通常、「仙川駅に住んでいます」とか「千歳烏山駅に住んでいます」と答えます。「世田谷に住んでいます」と答える場合もありますが、世田谷区も広いので、「千歳烏山に住んでいます」と答える方がより具体的な回答ということになります。

Địa chỉ tiếng Nhật được viết bằng tên thị trấn chứ không phải tên đường. Tuy nhiên, có rất nhiều tên thị trấn trong thành phố mà chỉ người dân địa phương mới biết thị trấn đó ở đâu. Vì vậy, khi ai đó ở thành phố của Nhật Bản hỏi “Bạn sống ở đâu?”, câu trả lời thường là “Tôi sống gần ga “Sengawa” hoặc “Tôi sống gần ga Chitose-

Karasuyama”. Bạn có thể trả lời “Tôi sống ở Setagaya” nhưng Phường Setagaya cũng lớn nên trả lời “Tôi sống ở “Chitose Karasuyama” là câu trả lời cụ thể hơn.

ただし、東京や横浜、大阪のような都会には、駅がとてもたくさんありますので、あまり有名でない駅の近くに住んでいる場合は、その駅に近い有名な駅の名前を答えることもあります。例えば、新宿の隣に「初台」という駅がありますが、東京の人が大阪の人から「あなたはどこに住んでいるのですか？」と聞かれた場合、「新宿に住んでいます」と答えます。大阪の人には「初台駅」を知らない人も多いですが、「新宿駅」なら日本中のだれもが知っているからです。

Tuy nhiên, ở các thành phố như Tokyo, Yokohama và Osaka có rất nhiều ga nên nếu bạn sống gần ga không nổi tiếng lắm, bạn có thể trả lời tên ga nổi tiếng gần ga mình sống. Ví dụ, có một nhà ga tên là “Hatsudai” bên cạnh Shinjuku, nhưng nếu một người ở Tokyo được một người ở Osaka hỏi, “Bạn sống ở đâu?”, câu trả lời sẽ là “Tôi sống ở Shinjuku”. Vì nhiều người ở Osaka không biết về “ga Hatsudai”, nhưng mọi người ở Nhật đều biết “ga Shinjuku”.

■道順の説明 ■Giải thích hướng dẫn đường đi

東南アジアの多くの国で、ある場所までの行き方を聞かれた場合、「この道路をこちらの方向に5km進み、●●という交差点で左に曲がってください」というように説明することが多いですね。

Ở nhiều quốc gia của Đông Nam Á, khi được hỏi “làm cách nào để đến một địa điểm nào đó thì câu trả lời thường là: “Đi dọc theo con đường này khoảng 5 km theo hướng này, sau đó rẽ trái tại ngã tư được đánh dấu ●●”.

しかし、日本の都会では、電車やバスなどを使った行き方を教えることが多いです。例えば、「●●駅からJR●●線に乗って▲▲駅で降りてください。そこまでは約15分です。▲▲駅でメトロ●●線に乗り換え、3駅目の■ ■駅で降りてください。■ ■駅から3分ぐらい歩くと、その場所に着きます」というふうに答えます。

Tuy nhiên, ở các thành phố của Nhật Bản, chúng tôi thường đưa ra chỉ dẫn cách đến đó bằng tàu hỏa, xe buýt, v.v. Ví dụ: “Đi tuyến JR●● từ ga ●● và xuống ở ga ▲▲. Mất khoảng 15 phút để đến đó. Tại ga ▲▲, chuyển sang tuyến Metro ●● và xuống ở ga thứ ba, từ ga ■ ■ đi bộ khoảng 3 phút sẽ đến đó”.

ただし、地方都市で「あなたはどこに住んでいますか？」と聞かれた場合は、市の名前や町名を答えることが多く、都会とは異なります。地方では鉄道の駅が少ないからです。その場合、ある場所への行き方を聞かれた場合、東南アジアと同じような説明をすることになります。

Tuy nhiên, nếu bạn được hỏi “Bạn sống ở đâu?” ở một thành phố nhỏ, bạn sẽ thường trả lời tên thành phố hoặc thị trấn, điều này khác với trường hợp ở một thành phố lớn. Điều này là do có rất ít ga tàu điện ở khu vực nông thôn. Trong trường hợp đó, nếu bạn được hỏi làm thế nào để đến một địa điểm nào đó, bạn sẽ nhận được lời giải thích tương tự như ở các nước của Đông Nam Á.

もともと、ジャカルタやホーチミンといった東南アジアの都会では、鉄道が急速に発達していますし、シンガポールやバンコクには既に便利な鉄道がありますね。東南アジア諸国でも、住んでいる場所を聞かれた場合、日本のように近くの駅名を答えるケースがこれから増えていくかも知れませんね。

Tuy nhiên, đường sắt đang phát triển nhanh chóng ở các thành phố Đông Nam Á như Jakarta và Hồ Chí Minh, còn ở Singapore và Bangkok đã có hệ thống đường sắt thuận tiện. Ở các nước Đông Nam Á cũng vậy, khi được hỏi bạn sống ở đâu, mọi người có thể trả lời tên của một nhà ga gần đó, giống như ở Nhật Bản.

★毎日新聞社が運営する KOKORO サイトには、日本での生活に役立つさまざまな情報がのっています。

★Trang web KOKORO do Mainichi Shimbun điều hành chứa nhiều thông tin hữu ích cho cuộc sống ở Nhật Bản.

未来へつなげる大切なヒント

Gợi ý quan trọng dẫn tới tương lai.

休暇を取りたいときどうする？

日本の休暇について知ろう

Khi nào bạn muốn nghỉ, bạn nên làm gì? Hãy tìm hiểu về kỳ nghỉ ở Nhật Bản.

皆さんは、「休暇」と聞いてどんな気持ちになるでしょうか？

楽しみにしている用事で休みをもらうときもあれば、急な体調不良で休みをもらわざるを得ない、と様々な状況があるかと思います。働く上で休暇をもらうことは労働者に認められた権利ですが、同時に仕事を休むということは、皆さんが休んだ分の穴埋めを誰かが対応するということでもあります。

今月は、日本の休暇について考えてみましょう。

Mọi người cảm thấy thế nào khi nghe đến từ “kỳ nghỉ”? Có lúc bạn xin nghỉ vì những việc thú vị mà bạn đang mong đợi, nhưng cũng có lúc bạn buộc phải nghỉ do sức khỏe không tốt. Có nhiều tình huống khác nhau. Việc xin nghỉ là quyền lợi của người lao động, nhưng đồng thời, việc nghỉ có nghĩa là ai đó sẽ phải đảm nhận công việc mà bạn bỏ lại. Tháng này, hãy cùng nhau suy nghĩ về kỳ nghỉ ở Nhật Bản.

そもそも「休暇」とは？ Vậy “kỳ nghỉ” thực sự là gì?

休暇とは、労働者が労働する義務のある日に、会社がその労働義務を免除する日のことです。土日のような「休日」には労働の義務はありませんから、そこに違いがあります。

休暇の中にも年次有給休暇のような、法律で一定の要件を満たせば付与される「法定休暇」と、結婚などの慶事、親族の死亡などの弔事の際に取得できる慶弔休暇のような、会社の就業規則に基づいて独自に付与される「法定外休暇」があります。

休暇を取得し心身をリフレッシュすることで、労働者の仕事をする上でのパフォーマンスの向上や、成果を出しやすくするというメリットがあります。

Kỳ nghỉ là ngày mà người lao động được miễn trừ nghĩa vụ lao động của mình. Khác với “ngày nghỉ” như thứ Bảy, Chủ Nhật, vào những ngày này không có nghĩa vụ lao động. Trong các loại kỳ nghỉ, có “kỳ nghỉ có lương” như nghỉ phép hàng năm, mà nếu đáp ứng được các yêu cầu nhất định theo luật pháp, bạn sẽ được cấp. Cũng có “kỳ nghỉ không theo luật định” do công ty quy định, như nghỉ để tham gia đám cưới hay trong trường hợp tang lễ.

Việc xin nghỉ và làm mới bản thân sẽ giúp nâng cao hiệu suất công việc của người lao động và dễ dàng đạt được thành quả.

休暇を取る前に忘れてはいけないこと Những điều cần nhớ trước khi xin nghỉ

日本では昔に比べると休暇の種類も増えて、更にはここ最近の働き方改革により、比較的休暇が取りやすくなりました。

しかしどのような事情であれ、皆さんの仕事に一時的に穴を空けることになるわけですから、休暇を取るにあたり以下の点に気をつけなければいけません。

Ở Nhật Bản, số loại kỳ nghỉ đã tăng lên đáng kể so với trước đây, và gần đây, do cải cách phương thức làm việc, việc xin nghỉ cũng trở nên dễ dàng hơn. Tuy nhiên, dù lý do nào, việc bạn tạm thời để lại khoảng trống trong công việc của mình cũng cần được xem xét kỹ lưỡng. Khi xin nghỉ, bạn cần lưu ý những điểm sau:

・決まった段階で早めに申請をする Xin phép sớm khi đã quyết định

体調不良などで急にどうしても休まなければならないという状況は誰にでも起こりうるし仕方がないことですが、何も相談せず長期間お休みをしたり、事前連絡なしに突発的に休む行為は決してしてはいけません。

休暇の申請には必ず期限が設けられていますので、決まった段階で早めに連絡し、申請をしましょう。

Tình huống bất ngờ như sức khỏe không tốt có thể xảy ra với bất kỳ ai, và đó là điều không thể tránh khỏi. Nhưng bạn không nên nghỉ kéo dài mà không thông báo hay đột ngột nghỉ mà không thông báo trước. Việc xin nghỉ thường có thời hạn, vì vậy hãy liên lạc và xin phép sớm khi đã quyết định.

・引継ぎをする Thực hiện bàn giao công việc

皆さんが休んでいる間、その代わりに誰かが担うわけですから、皆さんがいなくても仕事が滞りなく進むよう出来る限り引継ぎをした上で休まないといけません。

仕事には何かしら責任が伴うものですが、休む側にもそれ相応の責任が伴います。皆さんが安心して休むためにも、必要な引継ぎは前もって行いましょう。

Trong thời gian bạn nghỉ, sẽ có ai đó thay bạn đảm nhận công việc, vì vậy bạn cần thực hiện bàn giao công việc để công việc diễn ra suôn sẻ. Công việc đi kèm với trách nhiệm, và bên xin nghỉ cũng có trách nhiệm tương ứng. Hãy thực hiện bàn giao cần thiết trước khi nghỉ để bạn có thể nghỉ ngơi một cách an tâm.

・休暇明けには感謝を伝える Nói lời Cảm ơn sau khi nghỉ

労働者には休暇を取る権利がありますが、それを当然のように考えるのは良くありません。繰り返しになりますが、休んでいる間、その役割を誰かが担っています。そのことに対し、休暇が明けたら会社の人にお礼を言いましょう。

ちょっとしたことでも感謝を伝えることが、人間関係円満のコツです！

Người lao động có quyền xin nghỉ, nhưng coi đó là điều hiển nhiên thì không tốt. Trong thời gian bạn nghỉ, có người đảm nhận công việc của bạn. Khi trở lại, hãy cảm ơn những người trong công ty. Việc bày tỏ lòng biết ơn, dù là điều nhỏ nhặt, cũng là chìa khóa để duy trì mối quan hệ tốt đẹp!

まとめ Tóm tắt

せっかく休みを取るからには、仕事から少し離れて気分転換をしたい、という気持ちは誰にでもあるでしょう。だからこそ休暇を取る前に、どうしたらより気持ちよく休暇を過ごせるか、考えてみてください。「休むことも仕事のうち」です。日々より良い仕事ができるよう、決められたルールやマナーを守って休暇制度をうまく活用できるようになるといいですね。

Khi có cơ hội xin nghỉ, ai cũng muốn tạm xa công việc để thư giãn. Vì vậy, trước khi nghỉ, hãy suy nghĩ về cách để có một kỳ nghỉ thoải mái hơn. "Nghỉ ngơi cũng là một phần của công việc." Hãy tuân thủ các quy định và phép tắc để có thể tận dụng tốt hệ thống kỳ nghỉ và làm việc hiệu quả hơn mỗi ngày.

何よりも安全最優先

Hơn bất cứ điều gì

AN TOÀN ưu tiên hàng đầu!

安全チェックテスト Bài kiểm tra an toàn

今月はチェックテストで1年を振り返りましょう

Tháng này, chúng ta hãy cùng nhìn lại 1 năm qua bằng bài kiểm tra.

問題 Đề bài

1. ○か×で教えてください Hãy trả lời bằng ○ hoặc ×

①仕事に慣れてきたので、安全装具を着用せずに作業をした

Vì tôi đã quen với công việc nên khi làm việc không trang bị đồ bảo hộ lao động.

②機械の動作中に、少しだけなら手を入れても大丈夫だと判断した Tôi cho rằng có thể chạm vào máy khi máy đang hoạt động.

③上司の指示が理解できなかったが、忙しいのでそのまま作業を続けた

Tôi không hiểu được lời chỉ dẫn của cấp trên nhưng do bận nên tôi vẫn tiếp tục làm việc.

④5S活動をしっかり行うことで、安全な作業環境をつくることができる

Có thể tạo ra một môi trường làm việc an toàn bằng cách thực hiện triệt để các hoạt động 5S.

⑤急ぎの作業のため、機械の安全確認を省略した Do công việc khẩn cấp nên thiếu việc xác nhận an toàn của máy.

⑥もし災害が発生した場合、まず自分の安全を確保することが重要だ

Nếu xảy ra thảm họa, điều quan trọng đầu tiên là phải đảm bảo an toàn cho bản thân.

⑦作業現場では常に「危険かもしれない」と考えて作業している

Tại nơi làm việc, tôi luôn làm việc với suy nghĩ rằng nó có thể nguy hiểm.

2. 以下の「標識」を見たらあなたはどうしますか？ Bạn sẽ làm gì nếu nhìn thấy những “biển báo” dưới đây?

①

②

③

④

⑤

3. 以下の質問に答えてください。 Hãy trả lời các câu hỏi dưới đây

①製造現場でよく起こる3つの労働災害の原因は何ですか？

3 nguyên nhân thường xuyên gây ra tai nạn lao động xảy ra tại cơ sở sản xuất là gì?

②5Sを説明してください。 Hãy giải thích về 5S.

4.危険予測に基づいて、正しい対策を選んでください。 Chọn biện pháp đối phó chính xác dựa trên dự đoán rủi ro

①高所作業中に強風が吹いたとき、どのような対策を取るべきですか？

Khi làm việc trên cao có gió thổi mạnh, nên thực hiện những biện pháp nào?

a)作業を続ける Tiếp tục làm việc b)安全帯を確認して一旦作業を止める Kiểm tra đai an toàn và tạm thời dừng công việc

②床が油で滑りやすくなっているとき、どう対処しますか？

Khi sàn nhà bị trơn do dầu, dễ gây trượt ngã, bạn sẽ xử lý như thế nào?

a)作業を続ける Tiếp tục làm việc b)すぐに清掃を行い、床を乾かす Dọn sạch ngay và lau khô sàn

解答と説明 Đáp án và giải thích

1. 解答(2点×7問=14点)Đáp án (2 điểm x 7 câu = 14 điểm)

①× :安全装具は必ず正しく着用する(2、6月号)

Luôn đeo thiết bị an toàn đúng cách (số tháng 2 và tháng 6).

②× :機械が動いているときは絶対に手を入れない(5、9月号)

Không bao giờ chạm vào máy khi máy đang chạy (số tháng 5 và tháng 9).

③× :指示が分からないときは必ず確認する(6月号)

Luôn kiểm tra hướng dẫn khi bạn không hiểu (số tháng 6).

④○ : (10月号)

(số tháng 10)

⑤× :急いでいても安全確認を省略してはいけない(6、11月号)

Đừng bỏ qua việc kiểm tra an toàn ngay cả khi bạn đang vội (số tháng 6 và tháng 11).

⑥○ : (8月号)

(số tháng 8)

⑦○ : (9月号)

(số tháng 9)

2. 解答(2点×5問=10点)Đáp án (2 điểm x 5 câu = 10 điểm)

①入りません Không thể vào được ②注意します Hãy cẩn thận ③上に注意します
Hãy chú ý phía trên

④安全を一番に考えます Hãy nghĩ đến sự an toàn trước tiên

⑤たばこを吸いません。(3月号) Không hút thuốc. (số tháng 3)

3. 解答(8点)Đáp án (8 điểm)

①はさまれ・巻き込まれ、転倒、墜落・転落(5月号)(3点)

Bị kẹp / vướng, ngã, rơi / rơi (số tháng 5) (3 điểm)

②整理、整頓、清掃、清潔、躰(10月号)(5点)

Sắp xếp, ngăn nắp, dọn dẹp, sạch sẽ, kỷ luật (số tháng 10) (5 điểm)

4. 解答(4点×2問=8点)Đáp án (4 điểm x 2 câu = 8 điểm)

1. b)(4、9月号)(số tháng 4, tháng 9)

2. b)(5、9月号)(số tháng 5 và tháng 9)

あなたの得点: 合計 点 / 40 点

Điểm của bạn : Tổng điểm / 40 điểm

実習生の皆さんへ Gửi tới tất cả các học viên

安全が一番大切だということを、忘れないでください！ Đừng quên rằng an toàn là quan trọng nhất!

日本語学習攻略法

Phương pháp học tiếng Nhật

今月のテーマ

Đề tài tháng này

自分のことをなんと言う？

Bạn gọi bản thân mình là gì?

皆さんの国には、自分を呼ぶ呼称(一人称)はたくさんありますか？

皆さんが最初に勉強する日本語の一人称は「私(わたし)」だと思います。

「わたし」は年齢や性別に関係なく、また失礼な印象もないため、「わたし」が一番無難です。

Ở đất nước của các bạn, có nhiều cách gọi để tự xưng (ngôi thứ nhất) không?

「私(わたし)」 là cách xưng hô không phụ thuộc vào độ tuổi hay giới tính, và cũng không để lại ấn tượng không lịch sự, vì vậy, 「私」 là cách xưng hô an toàn nhất.

「わたし」以外の言い方！？

Ngoài cách nói 「Watashi」thì còn cách nói khác không?

日本に長くいる皆さんは少し違う「一人称」も知って、より「日本人らしく」なってみるのはいかがでしょう？

女性の一人称はあまり多くなく、ほとんどの女性が大人も子どもも「わたし」を使用しています。最近の学生などの若い女性は「うち」という一人称を使用している人もいます。

男性の一人称は「僕(ぼく)」「俺(おれ)」などがありますね。

Đại từ nhân xưng của nữ giới không nhiều, hầu hết phụ nữ đều sử dụng 'watashi' cho cả người lớn và trẻ em. Gần đây, một số nữ sinh trẻ tuổi cũng sử dụng 'uchi' làm đại từ nhân xưng.

Đại từ nhân xưng của nam giới có thể là 'boku' hoặc 'ore'; v.v.

その時々で言い方を変える！

Thỉnh thoảng cũng thay đổi cách nói

仕事の場や目上の人には「わたし」を使うのが良いですが、

仲の良い友だちの前では「俺」や「僕」でも大丈夫です。

「俺」の方が少し男らしく、「僕」の方が少しソフトな印象です。

より「自然な」日本語を時々友人との会話などに取り入れてみましょう！

Nên sử dụng 'watashi' tại nơi làm việc hoặc với cấp trên nhưng

với bạn bè thân thiết sử dụng 'ore' hoặc 'boku' cũng hoàn toàn ổn.

「Ore」có vẻ nam tính hơn một chút, trong khi 「boku」 có ấn tượng mềm mại hơn một chút.

Thỉnh thoảng hãy thử áp dụng tiếng Nhật tự nhiên hơn vào cuộc trò chuyện với bạn bè nhé

日本語能力試験合格のヒケツ!

私の名前はミョータンダーニェインと申します。2024年2月に来日しました。2023年7月に日本語能力試験N3に合格しましたが、会話するときはとても不安でした。

勉強方法は、覚えた文法を使い慣れるようにインターネットで使い方の例文や動画を見て練習しました。漢字を見て書くのは簡単そうに見えますが、実際に書くととても難しいので、書く練習を何度もしました。単語は本を見て覚える他に、アニメ、歌、映画を見て私にとって新しいと思う単語は意味を調べて先生と会話復習のときに使ってみたりします。読解はテキストから毎日一問をやるようにしてYouTubeからも読解説明のビデオを見てポイントをメモして勉強しました。読解も聴解も過去の問題集を何回も振り返って練習しました。勉強した中で漢字はとても楽しくて勉強すればするほど面白いです。日本語能力試験に合格したときはとても嬉しかったです。自分の努力に感動し、これからの勉強のモチベーションにもなりました。

私の目標はとにかくN2に合格することです。目標が出来たため今は勉強のスケジュールを立てて仕事と勉強時間のバランスをとっています。将来の夢は日本でケーキ屋をオープンことです。夢を叶えるため、少しずつ貯金をしています。

仕事を続けている理由は自分の未来のために成長出来ると感じたからです。いつか国に帰るときは日本人の真面目なマナーやチームワークを国でも活かしていきたいと思っています。日本に来てから、以前よりも自信を持って周りの人と会話をスムーズに出来るようになりました。また、時間の大切さを理解して些細なことでも確認するように成長したと思います。自分のビジネスをやるときは今の経験を生かしていきたいと思っています。仕事をして失敗しても諦めずに毎日頑張って改善して挑戦しています。

みなさんもどんなに困っても諦めないで自分が何のために日本に来たかを忘れないで頑張ってください！

Tên tôi là Myo Tanda Niên. Tôi đã đến Nhật Bản vào tháng 2 năm 2024. Vào tháng 7 năm 2023, tôi đã đỗ kỳ thi năng lực tiếng Nhật N3, nhưng khi giao tiếp thì tôi cảm thấy rất lo lắng.

Phương pháp học của tôi là sử dụng ngữ pháp đã học để làm quen hơn, tôi đã tìm kiếm các ví dụ và video trên internet để luyện tập. Việc nhìn và viết kanji có vẻ đơn giản, nhưng thực tế thì rất khó, vì vậy tôi đã luyện viết nhiều lần. Ngoài việc học từ vựng từ sách, tôi cũng xem anime, nghe nhạc và xem phim để tìm những từ mới mà tôi thấy thú vị, sau đó tôi tra cứu nghĩa và sử dụng trong các buổi ôn tập với giáo viên. Đối với việc đọc hiểu, tôi cố gắng làm một câu hỏi từ tài liệu mỗi ngày và cũng xem video giải thích đọc hiểu trên YouTube, ghi chú lại các điểm quan trọng để học. Cả đọc hiểu và nghe hiểu, tôi đã nhiều lần ôn lại các bộ đề cũ để luyện tập. Trong số những gì tôi đã học, kanji rất thú vị, và càng học càng thấy hấp dẫn. Khi tôi đỗ kỳ thi

năng lực tiếng Nhật, tôi cảm thấy rất vui. Tôi cảm động trước nỗ lực của bản thân và điều đó đã trở thành động lực cho việc học sau này.

Mục tiêu của tôi là chắc chắn đỗ N2. Vì có mục tiêu, hiện tại tôi đang lập kế hoạch học tập và cân bằng thời gian giữa công việc và học tập. Giấc mơ tương lai của tôi là mở một tiệm bánh ở Nhật Bản. Để thực hiện giấc mơ đó, tôi đang tiết kiệm dần dần.

Lý do tôi tiếp tục công việc là vì tôi cảm thấy có thể phát triển cho tương lai của mình. Khi nào đó trở về quê hương, tôi mong muốn áp dụng tác phong nghiêm túc và tinh thần làm việc nhóm của người Nhật vào đất nước mình. Từ khi đến Nhật, tôi đã tự tin hơn khi giao tiếp và bây giờ tôi có thể nói chuyện một cách trôi chảy với những người xung quanh. Tôi cũng hiểu được tầm quan trọng của thời gian và đã trưởng thành hơn trong việc xác nhận ngay cả những điều nhỏ nhặt. Khi tôi khởi nghiệp, tôi muốn áp dụng những kinh nghiệm hiện tại. Dù có thất bại trong công việc, tôi sẽ không từ bỏ và sẽ cố gắng cải thiện mỗi ngày để thử thách bản thân.

Mọi người hãy cùng nhau cố gắng, đừng từ bỏ dù gặp khó khăn, và đừng quên lý do vì sao chúng ta đến Nhật Bản!